



Original Article

Applying International Financial Reporting Standards (IFRS) and Challenges to Vietnamese Enterprises

Nguyen Thi Hai Ha*, Dinh Thi Thu Thuy, Tran Thi Hang, Nguyen Thi Thuy Trang

VNU University of Economics and Business, 144 Xuan Thuy Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

Received: March 23, 2021

Revised: April 8, 2021; Accepted: February 25, 2022

Abstract: The worldwide adoption of the International Financial Reporting Standards (IFRS) is occurring rapidly to improve the quality of accounting information through the use of a set of standardized accounting rules. In that context, Vietnamese enterprises are switching from the Vietnam Accounting Standards to the International Financial Reporting Standards in preparing their financial statements. This transformation generates both opportunities and challenges for Vietnamese businesses. This research carries out literature reviews and in-depth interviews with some researchers and experts to identify what difficulties Vietnamese businesses are facing in transforming financial statement standards and to propose lessons learnt for other businesses that are preparing for the transformation. Besides, the research also compares a big enterprise's financial statements prepared under VAS versus IFRS as a case study to point out some differences between the two accounting standards.

Keywords: International Financial Reporting Standards (IFRS), the adoption of IFRS, Vietnam Accounting Standards (VAS), Vietnamese businesses.

* Corresponding author

E-mail address: haiha1980@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4499>

Áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và vấn đề đặt ra với các doanh nghiệp Việt Nam

Nguyễn Thị Hải Hà*, Đinh Thị Thu Thủy, Trần Thị Hằng, Nguyễn Thị Thùy Trang

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 23 tháng 3 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 8 tháng 4 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 2 năm 2022

Tóm tắt: Việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) trên toàn thế giới đang diễn ra nhanh chóng nhằm mang lại sự cải thiện chất lượng kế toán thông qua bộ tiêu chuẩn thống nhất về báo cáo tài chính. Cùng với xu thế đó, các doanh nghiệp Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính từ áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang IFRS. Việc chuyển đổi này đem lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam, tuy nhiên nó cũng đặt ra không ít thách thức. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp tổng thuật tài liệu và phỏng vấn sâu một số nhà nghiên cứu và chuyên gia thực tiễn, từ đó chỉ ra một số khó khăn trong quá trình chuyển đổi chuẩn mực báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp Việt Nam và rút ra bài học kinh nghiệm cho các doanh nghiệp chuẩn bị quá trình chuyển đổi. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng so sánh báo cáo tài chính của một doanh nghiệp lớn tại Việt Nam áp dụng theo cả hai chuẩn mực, từ đó chỉ ra một số điểm khác biệt giữa hai chuẩn mực kế toán.

Từ khóa: Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam.

1. Giới thiệu

Hiện nay, việc sử dụng ngôn ngữ kế toán chung ngày càng phổ biến do nhu cầu cung cấp thông tin có thể so sánh trong phạm vi quốc tế. Theo thống kê, tính đến tháng 4/2018 có 144/166 quốc gia và vùng lãnh thổ áp dụng IFRS dưới các hình thức khác nhau (chiếm tỷ lệ 87% các nước được khảo sát) [1, 2]. Tại Việt Nam, kể từ khi VAS ra đời (giai đoạn 2001-2005) đến nay, sau hơn 15 năm, 26 chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam đã đi vào thực tế nhưng chưa có sự thay đổi hay chỉnh sửa, mặc dù thực tế nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều thay đổi, điều đó làm cho VAS chưa thực sự “hòa hợp” với IFRS.

Việt Nam hiện có nhiều loại hình doanh nghiệp có đóng góp đáng kể đối với nền kinh tế,

do đó việc áp dụng IFRS có vai trò quan trọng trong việc góp phần công khai, minh bạch thông tin tài chính theo chuẩn quốc tế, bảo vệ lợi ích công chúng và các nhà đầu tư, đảm bảo an toàn cho kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện mở rộng cơ hội hợp tác kinh doanh, hội nhập quốc tế. Ngoài ra, vận dụng IFRS giúp tạo ra cơ sở chung cho việc trao đổi thông tin tài chính, kế toán cho các bên có lợi ích liên quan, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, ngày 16/03/2020, Bộ Tài chính đã chính thức ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam với lộ trình đầy đủ. Quá trình chuyển đổi từ sử dụng VAS sang IFRS cần lập và thay đổi nhiều khoản mục, đặc biệt là việc phải lập thêm báo cáo thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng

* Tác giả liên hệ

Địa chỉ email: haiha1980@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4499>

giá trị hợp lý trong đo lường và trình bày ảnh hưởng của quá trình thay đổi lên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính. Quá trình chuyển đổi này tác động lớn đến chính sách kế toán và tình hình tài chính của doanh nghiệp, đồng thời có thể phát sinh những tác động không thể dự báo trước.

Trong thời gian tới, khi chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS sẽ ảnh hưởng như thế nào đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp, liệu các đối tượng mà Bộ Tài chính đã đưa ra trong lộ trình có khả năng áp dụng IFRS sau năm 2025 không hay - điều này cần dựa vào kết quả thực hiện ở giai đoạn 1 - giai đoạn áp dụng tự nguyện (2022-2025) để đánh giá và là mối quan tâm lớn đối với cơ quan quản lý nhà nước, những người hành nghề kế toán và các chuyên gia nghiên cứu. Thông qua phân tích tổng thuật các tài liệu nghiên cứu, nghiên cứu tình huống tại doanh nghiệp kết hợp với kết quả phỏng vấn sâu một số nhà nghiên cứu và chuyên gia thực tiễn trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, bài viết sẽ đưa ra nhận định về những vấn đề nêu trên.

2. Tổng quan nghiên cứu

Tính đến nay, trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu liên quan tới việc áp dụng IFRS.

Trên cơ sở đánh giá tác động của việc áp dụng bắt buộc IFRS ở EU đối với chất lượng tuyệt đối và tương đối (được đo lường thông qua mức độ phù hợp về giá trị) của báo cáo tài chính hợp nhất thông qua việc sử dụng các mô hình hồi quy kinh tế lượng, Müller [3] đã chỉ ra sự gia tăng chất lượng của các báo cáo hợp nhất (sự phù hợp về giá trị), tuân thủ tốt hơn Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD về công khai và minh bạch chất lượng cao sau khi IFRS được thông qua.

Trên cơ sở phân tích ảnh hưởng của cấu trúc pháp lý, kinh tế, giáo dục kế toán và văn hóa đến việc áp dụng IFRS trong bối cảnh ở Libya, Zakari [4] đã chỉ những trở ngại mà các công ty phải đối mặt như: (i) kế toán viên thiếu kỹ năng, kỹ thuật và kiến thức chuyên nghiệp; (ii) thiếu khuôn khổ pháp lý phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Mohammad và cộng sự [5] nghiên cứu về những ích lợi và thách thức khi áp dụng IFRS tại Bangladesh - nền kinh tế đang phát triển, từ đó chỉ ra việc áp dụng IFRS mang lại nhiều lợi ích như: giảm chi phí vốn, cải thiện chất lượng báo cáo tài chính, tăng khả năng đảm bảo niềm yết quốc tế, tiếp cận tốt hơn với thị trường vốn toàn cầu và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên để chính thức áp dụng IFRS tại một đất nước thì vẫn có một số thách thức cần phải đối mặt như: sự phát triển của khuôn khổ pháp lý và quy định, phí kiểm toán, chiến dịch nâng cao nhận thức và đào tạo nhân sự...

Key và Kim [6] nghiên cứu về tác động trực tiếp và gián tiếp của việc áp dụng IFRS tới cổ phiếu tại Hàn Quốc. Năm 2017, nhằm xem xét mức độ phù hợp về giá trị của thông tin kế toán đối với giá cổ phiếu và lượng dự trữ, các tác giả sử dụng dữ liệu của 487 công ty trong giai đoạn 10 năm trước và sau khi áp dụng IFRS (từ năm 2006 đến năm 2015) để so sánh, đồng thời phân tích hồi quy để xem xét mối quan hệ giữa thu nhập, giá cổ phiếu và lợi nhuận cổ phiếu. Kết quả cho thấy so với thu nhập dựa trên chuẩn mực trong nước, thu nhập theo IFRS có giá trị phù hợp hơn và chất lượng cao hơn. Giá cổ phiếu cũng tăng lên khi IFRS được áp dụng. Đến năm 2020, nhóm tác giả chỉ ra tác động gián tiếp của việc áp dụng IFRS đến giá cổ phiếu tại Hàn Quốc, kết quả là áp dụng IFRS cho phép ghi nhận tổn thất (thua lỗ) kịp thời hơn, cho thấy chất lượng kế toán cao hơn, giúp giải thích mối quan hệ giữa thu nhập và giá cổ phiếu mạnh mẽ hơn. Từ đó nghiên cứu khẳng định vai trò tích cực của việc áp dụng IFRS trong thị trường vốn tại Hàn Quốc, dẫn đến cải tiến báo cáo tài chính và kế toán [7].

Golubeva [8] nghiên cứu tác động của việc áp dụng IFRS đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và lợi nhuận của các khoản đầu tư do các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE) thực hiện. Mô hình hồi quy được sử dụng dựa trên tập dữ liệu gồm 493 quan sát về FDI của các công ty Thụy Điển tại 73 quốc gia trong giai đoạn 2007-2014. Kết quả cho thấy việc áp dụng IFRS giúp nâng cao chất lượng và giá trị

của kế toán như: tác động mạnh mẽ đến sự bất cân xứng thông tin, quản lý thu nhập và đòn tích, mức độ liên quan giá trị của các biến được báo cáo và độ chính xác dự báo của các nhà phân tích tài chính. Bên cạnh đó, tác giả cũng cho thấy mức độ áp dụng IFRS tỷ lệ thuận với mức độ tăng trưởng FDI và lợi nhuận thu được của các MNE ở các nước phát triển.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu liên quan đến chủ đề này gồm:

Nguyễn Thị Kim Huyền [9] đã tổng hợp kinh nghiệm ứng dụng IFRS ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đối với Bộ Tài chính, cần đưa ra quy định lựa chọn hình thức áp dụng IAS/IFRS và lập kế hoạch áp dụng cụ thể. Đối với doanh nghiệp, cần chủ động chuẩn bị nguồn tài chính, nâng cấp hệ thống phần mềm, cũng như đào tạo nhân lực kế toán có thể đọc, hiểu và vận dụng IAS/IFRS. Các tổ chức, trường học đào tạo kế toán cần đào tạo đội ngũ kế toán, đội ngũ kiểm toán viên và nhân sự sao cho họ phải có sự am hiểu về IAS/IFRS. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra điểm khác biệt giữa VAS và IAS/IFRS, đồng thời chỉ ra các yếu tố tác động đến việc Việt Nam áp dụng IFRS, đó là hệ thống khuôn khổ pháp lý, cơ chế và chính sách, nguồn nhân lực, hệ thống thông tin.

Lê Văn Tân [10] đã chỉ ra lợi ích của việc áp dụng IFRS khi Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế gồm: Tạo sự minh bạch cho báo cáo tài chính, nâng cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có tầm vé thông hành để tiếp cận với dòng vốn trên thị trường quốc tế, giảm thiểu chi phí về vốn và chi phí lập, cung cấp báo cáo... Đồng thời, nghiên cứu chỉ ra một số thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm: cơ chế, chính sách cho việc áp dụng IFRS ở Việt Nam hiện vẫn chưa hoàn thiện; hệ thống kết nối thông tin trong nội bộ và phần mềm kế toán của doanh nghiệp chưa đủ mạnh; trình độ nhân sự ở các doanh nghiệp chưa cao; Việt Nam chưa có đủ thị trường để xác định giá trị hợp lý.

Trên cơ sở nghiên cứu tác động của việc áp dụng IFRS đến các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Trần Hải

Long và Nguyễn Thị Nga [11] chỉ ra 4 cơ hội, đó là: (i) Tạo điều kiện mở rộng cơ hội hợp tác kinh doanh, hội nhập quốc tế; (ii) Tạo ra cơ sở chung cho việc trao đổi thông tin tài chính, kế toán cho các bên có lợi ích liên quan; (iii) Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; (iv) Tiết kiệm chi phí soạn thảo, ban hành CMKT và nhanh chóng hòa nhập vào IFRS. Bên cạnh đó là 5 thách thức: (i) Các hướng dẫn của chuẩn mực thường dựa trên khái niệm chung mang nặng tính lý thuyết nên gây khó khăn khi vận dụng IFRS vào các tình huống thực tiễn cụ thể; (ii) Đội ngũ kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán chưa được đào tạo bài bản để tiếp cận với IFRS; (iii) việc áp dụng IFRS yêu cầu doanh nghiệp phải có một hệ thống công nghệ thông tin đủ mạnh để hỗ trợ việc thu thập, xử lý và trình bày thông tin tài chính từ tất cả các phòng ban trong nội bộ doanh nghiệp, thậm chí cả thông tin bên ngoài doanh nghiệp; (iv) Rào cản ngôn ngữ; (v) Chi phí cho việc áp dụng các CMKT quốc tế là rất lớn.

Tương tự, Trần Thị Phương Mai [12] chỉ ra 6 khó khăn đối với doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam trong việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS: (i) Khó khăn trong việc ghi nhận theo giá trị hợp lý; (ii) Khung khổ pháp lý; (iii) Hệ thống kết nối thông tin và phần mềm kế toán; (iv) Khả năng chuyên môn và trình độ ngoại ngữ; (v) Năng lực của người sử dụng báo cáo tài chính; (vi) Cơ sở đào tạo kế toán chuyên nghiệp theo khung khổ IFRS. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra sự khác nhau trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo VAS và IFRS.

Phạm Thị Minh Tuệ [13] có cùng quan điểm về giải pháp với tác giả của nghiên cứu trên, tuy nhiên vẫn có sự khác biệt thông qua việc chỉ ra 4 mô hình vận dụng IFRS của các nước trên thế giới: (i) Vận dụng 100% IFRS, không sửa đổi và bổ sung, nếu có chuẩn mực nào không thể áp dụng thì quốc gia sẽ xây dựng chuẩn mực riêng; (ii) Vận dụng 100% IFRS, nhưng có thể có phần phụ lục để có thể thêm hoặc bớt vào mỗi chuẩn mực một số phần liên quan muốn sửa đổi; (iii) Vận dụng có chọn lọc các nội dung của CMKT,

có sửa đổi, bổ sung một số điểm cho phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế quốc gia đồng thời ban hành thêm hệ thống CMKT quốc gia; (iv) Không vận dụng CMKT quốc tế.

Trịnh Lê Tân và Đào Thị Đài Trang [14] đã làm rõ sự khác biệt giữa hệ thống CMKT Việt Nam với CMKT quốc tế khi áp dụng vào việc lập và trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thứ nhất, trong IAS/IFRS, giá trị hợp lý được sử dụng ngày càng nhiều thì ở Việt Nam, khái niệm về giá trị hợp lý mới bắt đầu được nhắc đến trong Luật Kế toán số 88/2015/QH13, có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2017. Thứ hai, Việt Nam chưa có chuẩn mực quy định về suy giảm giá trị của tài sản cố định (TSCĐ), hiện tại TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Thứ ba, trong khi IFRS không bắt buộc tất cả doanh nghiệp sử dụng chung biểu mẫu báo cáo tài chính giống nhau thì VAS lại yêu cầu bắt buộc đối với vấn đề này. Thứ tư, một số nội dung, khoản mục trên báo cáo tài chính chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Thứ năm, một số đối tượng và giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc ghi nhận và trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính đã phát sinh trong nền kinh tế nhưng chưa được VAS đề cập.

Như vậy, các công trình nước ngoài đã nghiên cứu tác động của việc áp dụng IFRS đối với FDI, lợi nhuận của các khoản đầu tư và tình hình áp dụng IFRS tại một số nước trên thế giới. Từ đó, các tác giả chỉ ra chất lượng và giá trị của IFRS đến thông tin tài chính của doanh nghiệp và các cơ hội, thách thức phải đối mặt khi áp dụng IFRS. Trong khi đó, các công trình nghiên cứu trong nước đề cập đến sự khác biệt giữa VAS và IFRS, tác động của việc áp dụng IFRS đến các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán; đồng thời chỉ ra những khó khăn, thách thức khi áp dụng IFRS tại Việt Nam. Từ đó, các tác giả đã đưa ra kiến nghị về lộ trình áp dụng IFRS cho các doanh nghiệp Việt Nam. Kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình trong và ngoài nước, bài viết này đánh giá khả năng áp dụng IFRS tại các doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổng thuật tài liệu, nghiên cứu tình huống và phỏng vấn sâu một số nhà nghiên cứu, nhà quản lý và các chuyên gia thực tiễn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng quan tài liệu

Thu thập thông tin gián tiếp từ tài liệu nghiên cứu có liên quan trong quá khứ, tổng hợp phân tích các nội dung đã được nghiên cứu cũng như các lỗ hổng cần nghiên cứu thêm xoay quanh vấn đề nghiên cứu. Cụ thể, tổng hợp các nghiên cứu trong nước và trên thế giới về vấn đề liên quan như: cơ hội và thách thức khi chuyển đổi báo cáo tài chính sang IFRS, sự tác động của IFRS đến giá cổ phiếu, sự khác biệt giữa VAS và IFRS, tình hình áp dụng IFRS tại một số nước trên thế giới.

Phương pháp nghiên cứu tình huống

Thực hiện nghiên cứu tình huống áp dụng IFRS tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) để đánh giá tác động của việc áp dụng IFRS so với VAS trên cả ba báo cáo tài chính.

Phương pháp phỏng vấn sâu

Tập hợp và điều tra ý kiến các nhà nghiên cứu, nhà quản lý và chuyên gia thực tiễn để nhận định về vấn đề cần khảo sát thông qua việc thu thập và xử lý các đánh giá đó, đưa ra tổng kết kinh nghiệm và dự báo khách quan về vấn đề nghiên cứu trong tương lai.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tác động của việc áp dụng IFRS đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính

Nghiên cứu dựa trên phân tích báo cáo tài chính của Vinamilk lập theo VAS và IFRS trong năm 2019.

Do hệ thống CMKT Việt Nam và hệ thống CMKT quốc tế có nhiều khác biệt nên kết quả của hai báo cáo tài chính được lập theo IFRS và VAS của Vinamilk có nhiều chênh lệch, đặc biệt về kết quả hoạt động kinh doanh và tài sản của đơn vị. Từ ba báo cáo (báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ), có thể thấy: (i) Ghi nhận doanh thu và chi phí theo IFRS rõ ràng và chi tiết từng bước hơn so với VAS; (ii) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho theo IFRS phản ánh đầy đủ

hơn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh về bất động sản, nông nghiệp, khai khoáng...; (iii) Theo IFRS thì không cần lập dự phòng cho các khoản phải thu, phải trả và dự phòng giảm giá hàng tồn kho như VAS vì trong báo cáo theo IFRS, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được; còn theo VAS thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc và có khoản dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được khi giá trị đó nhỏ hơn giá gốc; (iv) Theo IFRS, TSCĐ được đánh giá lại hàng năm và được ghi nhận

theo giá trị hợp lý chứ không ghi nhận theo nguyên giá như VAS, tuy nhiên việc đánh giá lại tài sản và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại Việt Nam vẫn chưa thực sự đáng tin cậy do thị trường Việt Nam chưa phát triển. Như vậy, có thể thấy việc lập báo cáo tài chính theo IFRS sẽ giúp người đọc báo cáo có cái nhìn tốt hơn về giá trị doanh nghiệp, tăng cường khả năng so sánh và tính minh bạch của hoạt động báo cáo tài chính, nếu Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện để các doanh nghiệp lập báo cáo theo IFRS.

Bảng 1: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc vào ngày 31/12/2019

(Đơn vị: triệu VND)

Chỉ tiêu	Áp dụng VAS	Tác động của IFRS	Áp dụng IFRS
Doanh thu thuần	56.318.123	-6.495.797	49.822.326
GVHB	-29.745.906	-560.885	-30.306.791
Lợi nhuận gộp	26.572.217	-7.056.682	19.515.535
Doanh thu hoạt động tài chính	807.317	-83.089	724.228
Chi phí tài chính	-186.970	66.720	-120.250
Chi phí bán hàng	-12.993.455	6.170.028	-6.823.427
Chi phí QLDN	-1.396.302	-214.141	-1.610.443
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	12.797.090	-1.700.042	11.097.048
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.795.710	-1.100.401	11.695.309
Chi phí thuế TNDN	-2.241.378		-2.241.378
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.554.332	-1.100.401	9.453.931

Nguồn: Báo cáo thường niên 2019, Vinamilk [15].

4.2. Kết quả phỏng vấn sâu

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán kiểm toán, kết quả thu về 20 phiếu khảo sát đạt yêu cầu, trong đó có các giảng viên giảng dạy khối tài chính, kinh tế, các kế toán viên, chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc tài chính... Kết quả thu được như sau:

Vấn đề 1: Nguyên nhân tại sao đến năm 2020, Bộ Tài chính mới phê duyệt đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam?

80% chuyên gia đồng ý rằng hai nguyên nhân lớn nhất là do: (i) Các doanh nghiệp niêm

yết và doanh nghiệp có quy mô lớn ngày càng gia tăng nên vấn đề hạch toán kế toán được coi trọng; và (ii) Cần mất một khoảng thời gian để Bộ Tài chính suy xét xem liệu IFRS có phù hợp trong bối cảnh của Việt Nam hay không. Ngoài ra còn có các nguyên nhân khác với tỷ lệ đồng ý thấp hơn (60% và 55%): Chưa có nguồn nhân lực để thực hiện các ước tính về giá trị hợp lý, các chuyên gia kế toán Việt Nam chưa sẵn sàng chuyển đổi từ VAS sang IFRS.

Vấn đề 2: Đánh giá về mức độ cần thiết áp dụng IFRS

Bảng 2: Ý kiến chuyên gia về mức độ cần thiết áp dụng IFRS đối với từng loại hình doanh nghiệp

Loại hình doanh nghiệp	Ý kiến chuyên gia
Các công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước	80% đồng ý
Các công ty niêm yết	80% đồng ý
Các công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết	90% đồng ý
Các công ty có vốn đầu tư nước ngoài	100% đồng ý

Nguồn: Kết quả phỏng vấn của nhóm nghiên cứu.

Vấn đề 3: Sự cần thiết áp dụng bắt buộc theo IFRS kể từ năm 2025 đối với các đối tượng mà Bộ Tài chính đã đưa ra trong lộ trình.

100% chuyên gia đồng ý cần thiết áp dụng bắt buộc IFRS kể từ năm 2025 đối với các đối tượng mà Bộ Tài chính đã đưa ra trong lộ trình. Mức độ đánh giá với các lý do đưa ra như sau:

20/20 chuyên gia trả lời đồng ý với nhận định: (i) Các doanh nghiệp này có ảnh hưởng đáng kể đến công chúng và nền kinh tế nên việc áp dụng bắt buộc theo IFRS sẽ góp phần công khai, minh bạch thông tin tài chính của doanh nghiệp theo chuẩn quốc tế, bảo vệ lợi ích công chúng và các nhà đầu tư, đảm bảo an toàn cho kinh tế vĩ mô; (ii) Nền kinh tế Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ hội nhập kinh tế, như tiếp cận nguồn vốn, duy trì năng lực cạnh tranh và phát triển một cách bền vững, phát triển đội ngũ nhân sự kế toán, kiểm toán...; (iii) IFRS được quốc tế thừa nhận nên việc áp dụng IFRS làm gia tăng lòng tin của cộng đồng các nhà đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện để các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường quốc tế hoặc nhận được các khoản vay ưu đãi từ các định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Phát triển châu Á...; (iv) IFRS là ngôn ngữ chính chung được sử dụng toàn cầu. Việc hiểu biết IFRS giúp doanh nghiệp có những thông tin hữu ích về các doanh nghiệp khác trong cùng ngành,

có mức độ hoạt động tương đương ở các nước khác

18/20 chuyên gia đồng ý với nhận định: (i) IFRS giúp chủ doanh nghiệp có cái nhìn tốt hơn về giá trị doanh nghiệp của mình do được phản ánh theo giá trị hợp lý, đặc biệt trong các trường hợp mua bán, sáp nhập, có thêm cổ đông mới...; (ii) Đối với doanh nghiệp FDI, giúp giảm chi phí để chuyển đổi báo cáo tài chính sang IFRS cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính với công ty mẹ.

17/20 chuyên gia đồng ý với nhận định: (i) Về trách nhiệm giải trình, IFRS yêu cầu trình bày và thuyết minh chi tiết về những rủi ro mà doanh nghiệp có thể gặp phải như: rủi ro kinh doanh, rủi ro tín dụng, rủi ro chính sách... nhằm cung cấp thông tin đầy đủ hơn cho các nhà đầu tư, chủ nợ khi quyết định đầu tư vào doanh nghiệp; (ii) Đối với các nghiệp vụ phức tạp, VAS và các quy định liên quan có thể chưa có hướng dẫn cụ thể, nên việc hiểu biết IFRS giúp doanh nghiệp có cách áp dụng hợp lý hơn.

16/20 chuyên gia đồng ý với nhận định cho rằng: Việc áp dụng IFRS giúp giảm chi phí vốn do có cái nhìn sâu sắc về các kết quả tài chính và việc tuân thủ nhóm các tiêu chuẩn tài chính chất lượng cao theo quy định của IFRS.

14/20 chuyên gia đồng ý với nhận định cho rằng: Giúp giảm đáng kể chi phí phát hành cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn, do định mức tín nhiệm tăng cao.

Vấn đề 4: Điều kiện căn bản để Việt Nam có thể áp dụng IFRS.

Những người trả lời đồng ý với nhận định: Cần có một định hướng rõ ràng về việc sử dụng giá trị hợp lý. Ngoài ra, cần có nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng hiểu và vận dụng IFRS. Chính phủ tiếp tục có các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi sang áp dụng IFRS, tạo áp lực cạnh tranh và tăng cơ hội hội nhập quốc tế. Thêm vào đó, cần có thị trường hoạt động và thanh khoản cho các tài sản, tạo cơ sở tham chiếu, đo lường giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy.

Vấn đề 5: Căn cứ các điều kiện cần thiết trên và thực tiễn áp dụng IFRS tại một số doanh

nghiệp Việt Nam, Việt Nam có khả năng áp dụng IFRS không?

19/20 chuyên gia đồng ý với phương án Việt Nam có khả năng áp dụng IFRS nhưng cần dựa vào kết quả thực hiện ở giai đoạn 1 - giai đoạn áp dụng tự nguyện (2022-2025) để đánh giá.

5. Kết luận và khuyến nghị

Xu thế hội nhập sâu rộng khu vực và thế giới đã tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam, đồng thời cũng đặt ra thách thức không nhỏ trong vấn đề hạch toán kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Nghiên cứu này tập trung đánh giá khả năng áp dụng IFRS tại Việt Nam, với những đóng góp chính sau:

Thứ nhất, nghiên cứu đã tổng hợp quy mô và tình hình áp dụng IFRS tại một số quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, từ đó thấy được sự cần thiết áp dụng tại Việt Nam. Nghiên cứu cũng trình bày những nội dung cơ bản nhất của IFRS và VAS, từ đó giúp người đọc nhận diện hai góc độ kế toán khác nhau của VAS và IFRS.

Thứ hai, dựa trên khung lý thuyết, nghiên cứu xem xét tác động của việc áp dụng IFRS đến thông tin tài chính, thông qua đánh giá các biến động trong các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Vinamilk. Kết quả cho thấy việc áp dụng IFRS tác động đến cả báo cáo thu nhập, báo cáo tình hình tài chính và dòng tiền, từ đó gây ảnh hưởng đến các vấn đề về thuế và chính sách cổ tức.

Thứ ba, nhóm tiến hành phỏng vấn sâu một số nhà nghiên cứu, nhà quản lý và các chuyên gia thực tiễn để xác định các yếu tố cần thiết và căn bản để áp dụng IFRS, đồng thời chỉ ra các khó khăn mà doanh nghiệp gặp phải; từ đó đề xuất giải pháp, kiến nghị cho vấn đề áp dụng IFRS ở Việt Nam. Kết quả cho thấy sau năm 2025, Việt Nam có thể áp dụng IFRS dù chưa hội tụ đủ các điều kiện cần thiết. Đặc biệt, các đối tượng mà Bộ Tài chính đã đưa ra trong lộ trình cần dựa vào kết quả thực hiện ở giai đoạn 1 để đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Tương lai gần, nghiên cứu khuyến nghị Bộ Tài chính cần có thêm nhiều chính sách khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và áp dụng IFRS. Bộ Tài chính cần phối kết

hợp với các đơn vị tổ chức các chương trình tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp và tiến hành áp dụng IFRS vào quá trình lập báo cáo tài chính; tăng cường đối thoại với doanh nghiệp để khuyến khích chuyển sang áp dụng IFRS. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để giúp doanh nghiệp nhanh chóng chuyển đổi sang áp dụng IFRS; đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến IFRS để xã hội hiểu về nội dung, nhận thức được lợi ích của việc áp dụng IFRS.

Tài liệu tham khảo

- [1] The IFRS® Foundation, "Who Uses IFRS Standards?", <https://www.ifrs.org/use-around-the-world/use-of-ifrs-standards-by-jurisdiction/#use-of-ifrs-standards-by-jurisdiction> (Accessed on March 1, 2021).
- [2] Duong Nguyen Thanh Tam, "International Financial Reporting Standards (IFRS) in Countries around the World and Roadmap for Application to Vietnam," *Journal of Economics - Technology*, 27 (09/2019) 61-67 (in Vietnamese).
- [3] Victor-Octavian Müller, "The Impact of IFRS Adoption on the Quality of Consolidated Financial Reporting," *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 109 (2014) 976-982.
- [4] Mohamed Zakari, "Challenges of International Financial Reporting Standards (IFRS) Adoption in Libya," *International Journal of Accounting and Financial Reporting*, 4 (2) (2014) 23.
- [5] Mohammad Hossain et al., "Adoption of International Financial Reporting Standards in Bangladesh: Benefits and Challenges," *Journal of Business and Management*, 17 (8) (2015) Ver. I, 16-24.
- [6] Kimberly G. Key and Jeong Youn Kim, "IFRS Adoption in Korea: The Relation Between Earnings and Stock Prices and Returns," *The Journal of Business Inquiry*, 17 (2) (2017) 72-85.
- [7] Kimberly G. Key, Jeong Youn Kim, "IFRS and Accounting Quality: Additional Evidence from Korea," *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation*, 39 (2020).
- [8] Olga Golubeva, "Maximising International Returns: Impact of IFRS on Foreign Direct Investments," *Journal of Contemporary Accounting and Economics*, 16 (2) (2020) 100200.
- [9] Nguyen Thi Kim Huyen, "Application International Financial Reporting Standards (IFRS): International Experiences and Lessons for

- Vietnam,” *Journal of Science and Technology, Thai Nguyen University*, 07 (2017) 168 (in Vietnamese).
- [10] Le Van Tan, “Benefits and Orientation in the Application of International Accounting Standards in Vietnamese Enterprises,” *IFRSVN*, 2017, <http://ifrsvietnam.vn/tin-tuc/ngghien-cuu-trao-doi-72/loi-ich-va-dinh-huong-trong-viec-ap-dung-chuan-muc-ke-toan-quoc-te-trong-cac-doanh-nghiep-viet-nam-194.html> (Accessed on March 1, 2021) (in Vietnamese).
- [11] Tran Hai Long, Nguyen Thi Nga, “Applying International Financial Reporting Standards (IFRS) in listed companies: Opportunities and challenges,” *Journal of Finance and Accounting*, 05 (2018) 178 (in Vietnamese).
- [12] Tran Thi Phuong Mai, “Applying International Financial Reporting Standards (IFRS), Difficulties for Vietnamese Enterprises,” *Journal of Accounting and Auditing*, 2018, 43-45 (in Vietnamese).
- [13] Pham Thi Minh Tue, “Applying IFRS - World Experiences and Solutions for Vietnam,” *Journal of Accounting & Auditing of the Vietnam Association of Accountants and Auditors*, 04 (2017) 26-29 (in Vietnamese).
- [14] Trinh Le Tan, Dao Thi Dai Trang, “International Financial Reporting Standards 15 and the Problem Posed with Vietnamese Enterprises,” *Financial Magazine*, 12/2018, 36-38 (in Vietnamese).
- [15] Annual Report 2019, Vinamilk, pp.143-144. <https://www.vinamilk.com.vn/vi/bao-cao-thuong-nien> (Accessed on March 1, 2021) (in Vietnamese).

Phụ lục 1

Bảng báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Vinamilk
(Đơn vị: triệu VND)

Chỉ tiêu	Áp dụng VAS	Tác động của IFRS	Áp dụng IFRS	Chỉ tiêu	Áp dụng VAS	Tác động của IFRS	Áp dụng IFRS
TÀI SẢN				NỢ PHẢI TRẢ	14.968.618	421.871	15.390.489
Tài sản ngắn hạn	24.721.565	-31.282	24.690.283	Nợ ngắn hạn	14.442.852	-3866	14.438.986
Tài sản dài hạn	19.978.308	405.943	20.384.251	Nợ dài hạn	525.766	425.737	951.503
TỔNG TÀI SẢN	44.699.873	374.661	45.074.534	VỐN CHỦ SỞ HỮU	29.731.255	-47.210	29.684.045
				TỔNG NGUỒN VỐN	44.699.873	374.661	45.074.534